



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Đồ họa ứng dụng - 1101015

Mã lớp học phần: 110101503

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trịnh Công Nhựt

Ngày thi: 18/11 Giờ thi: 7h30'

Phòng thi: PH 1

Giám thị 1: Trịnh Công Nhựt Ký tên: _____

Giám thị 2: Thanh Tâm Ký tên: PT

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210010002	Đào Huy Anh	24/02/1994	<u>AM</u>		8	tám	C14TH	
2	1210010003	Nguyễn Can	28/03/1994	<u>Can</u>		8	tám	C14TH	
3	1210010004	Tô Văn Cơ	09/10/1993	<u>Cô</u>		6	sáu	C14TH	
4	1210010006	Trần Phước Danh	08/04/1994	<u>Danh</u>		6	sáu	C14TH	
5	1210010011	Cao Văn Hậu	24/01/1994	<u>Hau</u>		6	sáu	C14TH	
6	1210010012	Nguyễn Văn Hậu	08/10/1994	<u>Như</u>		8	tám	C14TH	
7	1210010013	Nguyễn Thị Thu Hằng	17/10/1994	<u>Thư</u>		7	bảy	C14TH	
8	1210010015	Phan Quang Hảo	28/02/1994	<u>Hao</u>		8	tám	C14TH	
9	1210010018	Lê Nguyễn Minh Hoàng	30/12/1993	<u>Hoàng</u>		8	tám	C14TH	
10	1210010023	Huỳnh Tấn Huy	21/09/1993	<u>H</u>		5	năm	C14TH	
11	1210010026	Thái Hồng Khánh	31/08/1994	<u>Khánh</u>		7	bảy	C14TH	
12	1210010027	Vũ Minh Lập	13/07/1994	<u>Lập</u>		8	tám	C14TH	
13	1210010031	Phạm Thành Lộc	20/10/1993	<u>Lộc</u>		8	tám	C14TH	
14	1210010033	Quan Thuận Lợi	24/03/1994	<u>L</u>		8	tám	C14TH	
15	1210010034	Phạm Lượng	10/06/1994	<u>Ph</u>		5	năm	C14TH	
16	1210010036	Nguyễn Minh Đại	15/06/1994	<u>Đại</u>		8	tám	C14TH	
17	1210010037	Nguyễn Hoài Nam	24/02/1994	<u>N</u>		8	tám	C14TH	
18	1210010038	Phạm Văn Nam	10/10/1992	<u>Nam</u>		7	bảy	C14TH	
19	1210010039	Phạm Hồng Nghĩa	28/07/1994	<u>Ph</u>		7	bảy	C14TH	
20	1210010040	Lê Minh Thảo Nguyên	17/08/1994	<u>Ng</u>		7	bảy	C14TH	
21	1210010041	Thái Đại Nguyên	30/09/1994	<u>Ng</u>		8	tám	C14TH	
22	1210010043	Nguyễn Trọng Nhân	08/02/1994	<u>Nh</u>		8	tám	C14TH	
23	1210010044	Võ Minh Nhân	10/05/1994	<u>Nh</u>		6	sáu	C14TH	
24	1210010045	Hồ Hồng Huỳnh Như	26/11/1993	<u>Nh</u>		6	sáu	C14TH	
25	1210010046	Nguyễn Minh Nhựt	06/06/1994	<u>Nh</u>		8	tám	C14TH	
26	1210010047	Phan Văn Nhựt	12/11/1994	<u>Nh</u>		8	tám	C14TH	
27	1210010050	Lê Trần Hoàng Đức	17/06/1994	<u>Đ</u>		8	tám	C14TH	
28	1210010052	Võ Đức Phương	03/01/1994	<u>Ph</u>		7	bảy	C14TH	
29	1210010053	Dương Hoàng Phúc	13/02/1994						
30	1210010055	Võ Thiên Phúc	28/06/1993						
31	1210010056	Phan Minh Quân	06/09/1994	<u>Qu</u>		7	bảy	C14TH	
32	1210010057	Đoàn Lê Quang	20/01/1994	<u>Qu</u>		7	bảy	C14TH	
33	1210010058	Phan Lê Nhật Quỳnh	10/07/1994	<u>Qu</u>		7	bảy	C14TH	
34	1210010063	Nguyễn Minh Sơn	19/04/1994	<u>S</u>		7	bảy	C14TH	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1210010064	Bùi Thanh Tâm		27/07/1994	Tam		7	bảy	C14TH	
36	1210010065	Nguyễn Ngọc Tâm		30/03/1993	Ngoc Tam		5	năm	C14TH	
37	1210010066	Huỳnh Phát Tài		16/11/1994	Tai		7	bảy	C14TH	
38	1210010067	Nguyễn Xuân Thân		23/02/1992	Xuan		6	sáu	C14TH	
39	1210010069	Dương Văn Thành		20/06/1994	Dang		7	bảy	C14TH	
40	1210010070	Trần Quang Thê		04/10/1994	Quang		8	tám	C14TH	
41	1210010071	Kim Ngọc Thiện		11/10/1994	Ngoc		6	sáu	C14TH	
42	1210010072	Trần Xuân Thịnh		03/12/1993	Xuan		8	tám	C14TH	
43	1210010073	Nguyễn Minh Thúc		05/12/1994	Minh		7	bảy	C14TH	
44	1210010075	Đặng Trung Tín		18/10/1994	Dang		7	bảy	C14TH	
45	1210010076	Võ Văn Tính		24/04/1993	Vu		8	tám	C14TH	
46	1210010078	Trần Quang Toàn		06/09/1994	Quang		8	tám	C14TH	
47	1210010079	Lê Thị Huyền Trang		12/11/1994	Thi		7	bảy	C14TH	
48	1210010081	Nguyễn Thành Trí		27/02/1994	Thanh		6	sáu	C14TH	
49	1210010084	Vũ Minh Truyền		25/07/1994	Minh		7	bảy	C14TH	
50	1210010085	Bùi Văn Tuấn		10/03/1994	Vu		8	tám	C14TH	
51	1210010088	Lê Thảo Uyên		19/01/1992	Thao		8	tám	C14TH	
52	1210010089	Bùi Thị Thanh Vân		23/12/1994	Thi		7	bảy	C14TH	
53	1210010090	Nguyễn Hữu Vương		04/07/1994	Huu		8	tám	C14TH	
54	1210010091	Nguyễn Việt Vương		19/01/1994	Viet		6	sáu	C14TH	
55	1210010092	Võ Tuấn Vũ		04/11/1993	Vu		8	tám	C14TH	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.